

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2025

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dầm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Thái;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ .

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Huỳnh – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 486/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trương Quốc L, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ H, ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ E, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trương Quốc L trình bày và yêu cầu:

- Anh L và chị T1 tự tìm hiểu quen biết nhau trước và sau đó tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo giấy chứng nhận kết hôn số 067/2016, ngày 06/9/2016 do UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho Nguyễn Thanh T và Trương Quốc L). Cuộc sống của vợ chồng kể từ khi kết hôn đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn tranh cãi trong cuộc sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Anh L và chị T có 01 (một) con chung tên Trương Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2015 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn anh L nhường quyền nuôi dưỡng cháu V cho chị T, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn, chị Nguyễn Thanh T: Vắng mặt.*

- Ngày 20/02/2025, Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu có đến nơi cư trú chị T để lấy lời khai nhưng không thực hiện được, lý do chị T không có mặt tại địa phương; biên bản xác minh ngày 11/12/2024 của Tòa án tại Công an phường L xác nhận chị Nguyễn Thanh T có nơi cư trú khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang; cùng ngày, qua biên bản xác minh của Tòa án tại khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang, cho biết, chị Nguyễn Thanh T có nơi cư trú theo địa chỉ như đã nêu trên, hiện không có mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì, mâu thuẫn giữa anh L với chị T xảy ra Ban khóm không biết do không trình báo.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án số 1306/TB-TLVA ngày 04/12/2024; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 97/TB-TA ngày 12/02/2025 và các văn bản tố tụng khác cho chị Nguyễn Thanh T nhưng chị T vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án và không cung cấp văn bản ý kiến phản hồi cho Tòa án và tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có).

Tại phiên tòa, chị T vắng mặt; anh L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị T.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thanh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trương Quốc L được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thanh T được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2015 đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trương Quốc L trình bày không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Anh Trương Quốc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Anh Trương Quốc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thanh T có địa chỉ cư trú tại: Tổ E, khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn chị Nguyễn Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 067/2016, ngày 06/9/2016 do UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho Nguyễn Thanh T và Trương Quốc L). Hôn nhân giữa anh L và chị T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Anh L khai: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2017, Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn tranh cãi trong cuộc sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị T.

Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị T và anh L hàn gắn tình cảm, nhưng chị T vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng anh L và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì không thể xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho anh L ly hôn với chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Anh L và chị T có 01 (một) con chung tên Trương Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2015 hiện đang sống với chị T. Anh L đồng ý cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi con trưởng thành và lao động được, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Để đảm bảo môi trường sống của cháu V không bị xáo trộn và quyền lợi mọi mặt của của con, chị T được tiếp tục nuôi dạy con chung Trương Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2015 đến khi con trưởng thành và lao động được, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

[3] Về tài sản và nợ chung: Anh Trương Quốc L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này giữa anh L và chị T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Anh Trương Quốc L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Quốc L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trương Quốc L được ly hôn với chị Nguyễn Thanh T.

2. *Về nuôi con chung:* Chị Nguyễn Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Thị Tường V, sinh ngày 04/12/2015 đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động, anh Trương Quốc L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thanh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trương Quốc L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3 *Về án phí:* Anh Trương Quốc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008911 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Anh Trương Quốc L đã nộp đủ án phí. Chị Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Anh Trương Quốc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tân Châu;
- Chi cục THADS thị xã Tân Châu;
- UBND xã Đôn Thuận, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Dâm